

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 36/2011/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 29 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 755/TTr-SXD ngày 21/9/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bốn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND
ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động có liên quan đến không gian xây dựng ngầm tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông phải tuân thủ theo Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Không gian xây dựng ngầm đô thị" là không gian dưới mặt đất được sử dụng cho mục đích xây dựng công trình ngầm đô thị.
2. "Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị" bao gồm việc quy hoạch không gian xây dựng ngầm và các hoạt động liên quan đến xây dựng công trình ngầm đô thị.
3. "Quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị" là việc tổ chức không gian xây dựng dưới mặt đất để xây dựng công trình ngầm.
4. "Công trình ngầm đô thị" là những công trình được xây dựng dưới mặt đất tại đô thị bao gồm: công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm, các công trình đầu mối kỹ thuật ngầm và phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuy nèn kỹ thuật.
5. "Công trình công cộng ngầm" là công trình phục vụ hoạt động công cộng được xây dựng dưới mặt đất.
6. "Công trình giao thông ngầm" là các công trình đường tàu điện ngầm, nhà ga tàu điện ngầm, hầm đường bộ, hầm cho người đi bộ và các công trình phụ trợ kết nối (kể cả phần đường nối phần ngầm với mặt đất).

7. "Công trình đầu mối kỹ thuật ngầm" là các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, bao gồm: trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp, trạm gas... được xây dựng dưới mặt đất,

8. "Công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm" là các công trình đường ống cấp nước, cấp năng lượng, thoát nước; công trình đường dây cáp điện, thông tin liên lạc được xây dựng dưới mặt đất.

9. "Phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất" là tầng hầm (nếu có) và các bộ phận của công trình nằm dưới mặt đất.

10. "Tuy nện kỹ thuật" là công trình ngầm theo tuyến có kích thước lớn đủ để đảm bảo cho con người có thể thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các thiết bị, đường ống kỹ thuật.

11. "Hào kỹ thuật" là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

12. "Cống, bể kỹ thuật" là hệ thống ống, bể cáp để lắp đặt đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị, đầu tư xây dựng chung trong phạm vi toàn tỉnh.

Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có trách nhiệm trực tiếp triển khai quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị, đầu tư xây dựng công trình ngầm đô thị trong phạm vi đô thị do mình quản lý theo phân cấp quản lý tại Điều 6 của Quy định này.

3. Ban quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm trực tiếp triển khai quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm trong khu công nghiệp, đầu tư xây dựng công trình ngầm trong khu công nghiệp do mình quản lý theo phân cấp quản lý tại Điều 7 của Quy định này.

4. Không gian xây dựng ngầm phải được quy hoạch, xây dựng, quản lý sử dụng. Quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị là một nội dung của đồ án quy hoạch đô thị. Quy hoạch không gian xây dựng ngầm phải bảo đảm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, nguồn nước ngầm và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; kết nối tương thích, đồng bộ và đảm bảo an toàn giữa các công trình ngầm và giữa công trình ngầm với các công trình trên mặt đất.

5. Chủ đầu tư các dự án xây dựng đô thị, khu dân cư phải tuân thủ theo quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng.

6. Việc xây dựng các công trình ngầm đô thị phải tuân thủ các quy định sau:

a) Quy hoạch đô thị, quy chuẩn về xây dựng ngầm, giấy phép xây dựng;

b) Không được xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất được xác định theo quyết định giao đất, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có nhu cầu xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất đã được xác định (trừ phần đầu nổi kỹ thuật của hệ thống đường dây, đường ống ngầm) thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

c) Bảo đảm an toàn cho cộng đồng, cho bản thân công trình và các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng, khai thác, vận hành của các công trình lân cận cũng như các công trình đã có hoặc đã xác định trong quy hoạch đô thị.

d) Đối với các công trình “hào kỹ thuật” là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật phải có chi tiết kỹ thuật đánh dấu mốc bằng sứ hoặc bê tông phần nổi dọc theo tuyến công trình.

7. Nhà nước khuyến khích việc hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi tại các đô thị. Các tổ chức, cá nhân tham gia hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi tại các đô thị được hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị

1. Dữ liệu về hiện trạng các công trình ngầm đô thị bao gồm:

a) Các bản vẽ hoàn công xây dựng của từng công trình ngầm được đưa vào dữ liệu gồm: Các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, hệ thống đầu nổi kỹ thuật thể hiện được vị trí, mặt bằng, chiều sâu công trình;

b) Bản vẽ hiện trạng hệ thống công trình ngầm đô thị được lập cho một khu vực của đô thị hoặc toàn đô thị trong đó thể hiện loại công trình ngầm, quy mô, vị trí, kích thước và hệ thống đầu nổi kỹ thuật của các loại công trình.

2. Dữ liệu về quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị bao gồm:

a) Các đồ án quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nhưng chưa có quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị được duyệt).

b) Các đồ án quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các dữ liệu có liên quan về quản lý xây dựng ngầm đô thị:

a) Thông tin về cấp và loại công trình ngầm, quy mô và tính chất công trình, thời gian hoàn thành công trình và tình trạng sử dụng;

b) Thông tin về tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của chủ sở hữu công trình ngầm;

c) Thông tin về tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ các đơn vị quản lý, vận hành và đơn vị sử dụng các công trình ngầm;

4. Dữ liệu công trình ngầm do các tổ chức hoặc cá nhân cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm tại địa phương là thuyết minh, bản vẽ, văn bản và dữ liệu đã được số hóa được quy định cụ thể như sau:

a) Dữ liệu công trình ngầm được quy định tại Khoản 1 của Điều này là các bản vẽ và dữ liệu đã được số hóa;

b) Dữ liệu công trình ngầm được quy định tại Khoản 2 của Điều này là thuyết minh tổng hợp, bản vẽ và dữ liệu đã được số hóa;

c) Dữ liệu được quy định tại Khoản 3 của Điều này là các văn bản, tài liệu liên quan.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ CUNG CẤP DỮ LIỆU VỀ CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh;

2. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm đô thị trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện, đồng thời rà soát, bổ sung cập nhật dữ liệu theo định kỳ.

3. Tham mưu cho UBND tỉnh thoả thuận về quy hoạch công trình ngầm (đối với các dự án công trình cấp I, cấp II) để các nhà đầu tư triển khai lập dự án đầu tư nếu công trình ngầm đó chưa được xác định trong quy hoạch đô thị được phê duyệt;

4. Cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị đối với các dự án công trình cấp I, cấp II theo ủy quyền của UBND tỉnh (trừ các dự án công trình ngầm đô thị đã ủy quyền cho Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắc Nông cấp GPXD).

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm;

6. Quản lý cơ sở dữ liệu về các công trình ngầm tại các đô thị, cụm/khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư mới trong phạm vi quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt trên địa bàn tỉnh và tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm tại các đô thị theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

7. Tổng hợp, báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn về Bộ Xây dựng theo định kỳ.

Điều 6. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm đô thị (bao gồm cả các dự án đang triển khai thi công xây dựng có thời gian thi công trên 3 năm) thuộc địa bàn quản lý để xây dựng cơ sở dữ liệu trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện, đồng thời rà soát, bổ sung cập nhật dữ liệu theo định kỳ;

2. Cung cấp dữ liệu về công trình ngầm tại các đô thị, cụm công nghiệp, khu dân cư mới trong phạm vi quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt trên địa bàn cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thỏa thuận về quy hoạch công trình ngầm (vị trí, hướng tuyến, cao độ,...) để các nhà đầu tư triển khai lập dự án đầu tư (trừ các dự án công trình ngầm đô thị có quy mô cấp I, cấp II) nếu công trình ngầm đó chưa được xác định trong quy hoạch đô thị được phê duyệt;

4. Cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị trên địa bàn theo phân cấp (trừ các dự án công trình ngầm đô thị đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng và Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng);

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn mình quản lý;

Thông báo với chủ đầu tư (hoặc đại diện chủ đầu tư) công trình ngầm trong phạm vi quản lý về thời hạn cung cấp (nộp) hồ sơ lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 9 quy định này.

6. Quản lý cơ sở dữ liệu về các công trình ngầm tại các đô thị, cụm công nghiệp, khu dân cư mới trong phạm vi quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt trên địa bàn và tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm tại các đô thị theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

7. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm về Sở Xây dựng theo định kỳ 6 tháng và hàng năm để tổng hợp.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm trong các Khu công nghiệp để xây dựng cơ sở dữ liệu trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện, đồng thời rà soát, bổ sung cập nhật dữ liệu theo định kỳ;

2. Cung cấp dữ liệu về công trình ngầm tại các khu công nghiệp trên địa bàn cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật;

3. Cấp giấy phép công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp trên địa bàn đã được UBND tỉnh ủy quyền quản lý (trừ các công trình được miễn cấp

GPXD theo Khoản 1, Điều 3, Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 của UBND tỉnh về cấp GPXD công trình trên địa bàn tỉnh).

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn mình quản lý;

Thông báo với chủ đầu tư (hoặc đại diện chủ đầu tư) công trình ngầm trong phạm vi quản lý về thời hạn cung cấp (nộp) hồ sơ lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, Điều 9 quy định này.

5. Quản lý cơ sở dữ liệu về các công trình ngầm tại các khu công nghiệp trên địa bàn và tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

6. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm về Sở Xây dựng theo định kỳ 6 tháng và hàng năm để tổng hợp.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm thuộc phạm vi các tuyến đường Quốc lộ, đường Cao tốc, đường Tỉnh qua đô thị trên địa bàn tỉnh để quản lý và lưu trữ theo quy định của pháp luật;

Điều 9. Trách nhiệm của chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm

1. Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về công trình ngầm đang sở hữu theo quy định;

2. Cung cấp 01 bộ dữ liệu công trình ngầm đã nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 (bản vẽ và dữ liệu đã được số hóa) và khoản 3 (các văn bản) của Điều 4 của Quy định này cho cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm là Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Giao thông vận tải trong vòng 90 ngày kể từ ngày công trình được đưa vào sử dụng.

3. Đối với công trình ngầm đã hoàn thành trước khi quy định này có hiệu lực thi hành : Chủ sở hữu có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu như tại khoản 2 điều này cho cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp như đã nêu trên trong vòng 90 ngày kể từ ngày quy định này có hiệu lực thi hành.

4. Đối với công trình ngầm đang triển khai thi công xây dựng nhưng có thời gian thi công trên 3 năm :

a) Chủ sở hữu có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu tiến độ thi công công trình ngầm cho cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp như đã nêu trên trong vòng 90 ngày kể từ ngày quy định này có hiệu lực thi hành.

b) Định kỳ hàng năm phải báo cáo tiến độ thi công công trình ngầm cho cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp.

c) Khi công trình hoàn thành, phải báo cáo và cung cấp dữ liệu công trình ngầm theo Khoản 2 điều này.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu do mình cung cấp.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch & đầu tư tham mưu UBND tỉnh quyết định bố trí kinh phí cho công tác thu thập, điều tra khảo sát, rà soát, bổ sung, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị. Kinh phí cho công tác này được lấy từ ngân sách nhà nước của tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã; Sở Xây dựng và các Sở, Ban, Ngành; các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện đúng Quy định tại Quyết định này, các quy định của pháp luật về xây dựng và công trình ngầm đô thị.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn